TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: **14**/2017/DS-PT
Ngày: 30-8-2017
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Dũng

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Trọng Hồng

Bà Nguyễn Thị Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 18/2017/DS-PT ngày 20 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 13-6-2017 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 31/2017/QĐPT-DS ngày 14 tháng 8 năm 2017. Giữa các đương sự:

- *Đồng nguyên đơn:* Ông Hoàng Văn N và bà Vi Thị B.

Địa chỉ: Thôn 6, xã H, huyện Y, tỉnh Yên Bái. (Có mặt)

- *Đồng bị đơn*: Ông Hoàng Văn T và bà Hà Thị K.

Địa chỉ: Thôn 6, xã H, huyện Y, tỉnh Yên Bái. (Ông T có mặt, bà K vắng mặt có uỷ quyền cho chị Nguyễn Thị Ng tham gia tố tụng).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ng - Đại diện theo uỷ quyền của ông T, bà K theo Giấy uỷ quyền ngày 29-7-2016. (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Uỷ ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Kim V - Chủ tịch UBND xã. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ và diễn biến tại phiên toà, vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của đồng nguyên đơn là ông Hoàng Văn N và bà Vi Thị B trình bày:

Năm 1987 gia đình ông có làm đơn xin Hợp tác xã H và Ủy ban nhân dân xã H 01 lô đất thuộc khu vực lò vôi cũ của HTX Nông nghiệp đã giải thể để làm nhà ở. Khi đó gia đình ông đã được UBND xã và HTX Nông nghiệp nhất trí cấp cho lô đất ở khu lò vôi, bao gồm cả phần diện tích đất hiện nay đang có tranh chấp. Năm 1988 gia đình ông đã san ủi một phần lô đất để dựng nhà ra ở, phần còn lại gia đình đã canh tác để trồng cây hoa màu, cây ăn quả. Gia đình ông đã sử dụng đất từ năm 1988 không có tranh chấp gì với ai.

Năm 2008 giữa gia đình ông với gia đình ông Hoàng Văn T đã chia ranh giới cụ thể ở khu vực giáp ranh phần đất đang có tranh chấp hiện nay. Sau khi phân chia ranh giới, nhà ông T đã san tạo phần đất của gia đình thành mặt bằng để làm nền nhà. Còn đất của gia đình ông vẫn giữ nguyên để trồng cấy cây hoa màu và cây ăn quả.

Tháng 7 năm 2013 xảy ra tranh chấp đất đai giữa gia đình ông với gia đình ông Hoàng Văn T. Nguyên nhân do ông T đã nhận phần đất hiện gia đình ông sử dụng là đất của bố ông T để lại. Tranh chấp giữa hai gia đình đã được UBND xã H hòa giải nhiều lần, nhưng không có kết quả. Theo ông Hoàng Văn N thì diện tích đất đang có tranh chấp tuy gia đình ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng trong sổ mục kê của UBND xã H năm 2013 có ghi là đất của gia đình ông và trên thực tế vẫn do gia đình ông sử dụng từ năm 1988 đến nay.

Ngày 15-12-2014 gia đình ông N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Y giải quyết tranh chấp, trong quá trình giải quyết, ông N yêu cầu Toà án công nhận diện tích đất 502,9 m^2 đang có tranh chấp là đất của gia đình ông và yêu cầu gia đình ông T chấm dứt việc tranh chấp. Ngày 21-3-2017, Toà án nhân dân huyện Y đi xem xét, thẩm định lại và đã xác định diện tích đất đang có tranh chấp là 534,8 m^2 nên ông N sửa đổi nội dung yêu cầu, đề nghị Toà án giải quyết công nhận quyền sử dụng của gia đình ông đối với diện tích đất 534,8 m^2 đang có tranh chấp; buộc ông Hoàng Văn T, bà Hà Thị K chấm dứt việc tranh chấp diện tích đất nêu trên với gia đình ông.

Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai và Đơn khởi kiện (phản tố) đại diện phía bị đơn là ông Hoàng Văn T, bà Hà Thị K và người đại diện theo ủy quyền là chị Nguyễn Thị Ng trình bày:

Diện tích đất đang có tranh chấp đã được gia đình ông Hoàng Văn T sử dụng qua nhiều đời. Có nguồn gốc trước đây do ông nội của ông T là cụ Hoàng Văn X khai hoang, sử dụng. Sau khi cụ X chết thì con trai là ông Hoàng Văn D quản lý, sử dụng. Năm 1993, ông Hoàng Văn D chuyển giao lại cho con trai là ông Hoàng Văn T sử dụng diện tích đất nêu trên. Trong quá trình sử dụng đất, năm 1988 ông D có bán cho ông Hoàng Văn N mảnh đất hiện tại gia đình ông N đang ở, có diện tích khoảng 361 m^2 nằm cạnh diện tích đất đang có tranh chấp, việc mua bán giữa hai bên không làm giấy tờ gì.

Theo ông Hoàng Văn T thì diện tích đất đang có tranh chấp tuy chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, nhưng năm 2001 khi gia đình ông làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất liền kề để làm thổ cư thì diện tích đất đang có tranh chấp được xác định là của gia đình ông, nên trong biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất có ghi:*"Đất chủ hộ chưa giao"*. Hàng năm gia đình ông vẫn canh tác trên đất. Năm 2013, gia đình ông Hoàng Văn N đã lên chặt 04 cây cọ và trồng cây chuối trên đất của gia đình ông, nên giữa hai gia đình xảy ra tranh chấp. Việc tranh chấp giữa hai gia đình đã được UBND xã H hoà giải nhiều lần, nhưng không có kết quả. Ngày 17-7-2013, đoàn giải quyết tranh chấp đất đai đã hoà giải giữa hai gia đình, tại phiên hoà giải này ông N có nêu ý kiến gia đình ông không rõ đất của nhà mình đến đâu nhưng xin gia đình ông T vài mét đất mặt đường để sử dụng. Do ông N xin, nên gia đình ông đã nhất trí cùng cắm lại ranh giới đất với gia đình ông N để hai gia đình hoà thuận. Nhưng sau đó gia đình ông N lại không nhất trí với nội dung đã thoả thuận mà yêu cầu sử dụng toàn bộ diện tích đất đang có tranh chấp.

Ông Hoàng Văn T, bà Hà Thị K không nhất trí với yêu cầu do phía gia đình ông N nêu ra, đồng thời có yêu cầu phản tố, đề nghị Tòa án giải quyết buộc gia đình ông Hoàng Văn N trả lại cho gia đình ông 534,8 m^2 đất đã lấn chiếm và trồng trả 04 cây cọ đã chặt của gia đình ông.

Tại Báo cáo số: 01/BC-TXM ngày 05-12-2014 và Công văn số 230/UBND-ĐCXD ngày 16-10-2015; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là UBND xã H có nêu các nội dung:

***Thứ nhất**: Từ các chứng cứ thu được trong quá trình xác minh đều thể hiện nguồn gốc đất đang có tranh chấp trước đây là của ông Hoàng Văn X để lại cho con trai là Hoàng Văn D. 04 cây cọ ông Hoàng Văn N đã chặt từ trước*

vẫn do gia đình ông Hoàng Văn T (con trai ông Hoàng Văn D) khai thác, sử dụng lấy lá lợp nhà;

***Thứ hai**: Tại Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 07-7-2001 của hộ ông Hoàng Văn T có mô tả:"Từ điểm 2 đến điểm 3 (cọc) ranh giới giáp với đồi ông D"; Theo biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất này cho thấy: Phần đất đang xảy ra tranh chấp nằm trùng với phần đất của ông D mà trên sơ đồ và bản mô tả đã thể hiện và hiện nay phần đất giáp ranh này, ông Hoàng Văn T đã san gạt một phần để làm nền nhà cho con trai;*

***Thứ ba**: Tại Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 07-7-2001 của hộ ông Hoàng Văn N có mô tả: "Từ điểm 3 theo hàng rào đến điểm 4 (cồ đá) ranh giới giáp với đất chưa giao;*

***Thứ tư**: Quá trình giải quyết ông N không xuất trình được giấy tờ gì chứng minh là UBND xã nhất trí cho ông N sử dụng diện tích đất làm lò vôi của Hợp tác xã.*

Với các nội dung trên UBND xã H có quan điểm: *Diện tích 502,9 m^2 đất tại thôn 6 xã H đang xảy ra tranh chấp giữa hộ ông Hoàng Văn N, bà Vi Thị B với hộ gia đình ông Hoàng Văn T, bà Hà Thị K thuộc quyền sử dụng của hộ ông T, bà K. Đề nghị hộ ông N, bà B phải trả lại cho hộ ông T, bà K diện tích đất nêu trên.*

Ngày 26-4-2017, Toà án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh tại UBND xã H, tại Biên bản xác minh thể hiện nội dung: *"Bản đồ địa chính năm 1994 thể hiện địa giới hành chính đất của xã H, không thể hiện đất của các hộ dân.*

Bản đồ địa chính năm 2001 thể hiện diện tích, số thửa của các hộ dân được cấp GCNQSDĐ rừng, phần đất có tranh chấp có nằm trong bản đồ nhưng không rõ số thửa.

Bản đồ địa chính số 672 năm 2009 thể hiện diện tích đất đang tranh chấp là một phần của thửa đất số 219, theo sổ mục kê 2009 của UBND xã thể hiện thửa đất số 219 thuộc nhóm chủ sử dụng đất và không có tên ai là chủ sử dụng đất.

Bản đồ dự án đo đạc tổng thể năm 2013 của UBND xã H thì diện tích đất tranh chấp được xác định nằm trong thửa 284 tờ bản đồ số 19, và theo sổ mục kê thì thửa đất số 284 mang tên hộ ông Hoàng Văn N nhưng là thửa đất đang có tranh chấp."...

Tại lời khai của những người làm chứng Hoàng Văn Tr, Nguyễn Văn C đều thể hiện nội dung: *"gia đình ông Hoàng Văn N ra ở trên diện tích đất thuộc*

khu lò vôi cũ của Hợp tác xã từ năm 1987, đến năm 2012-2013, sau khi ông Hoàng Văn D chết thì mới xảy ra tranh chấp...". Ông Nguyễn Văn C cung cấp thêm: *"...Năm 1987 gia đình ông Hoàng Văn N có làm đơn xin UBND xã và HTX một lô đất lò vôi cũ để san ủi làm nhà. Được sự nhất trí của UBND và Ban quản trị HTX có giải quyết cho gia đình ông N san ủi để làm nhà. Đã xây dựng ở từ năm 1988 đến nay là 30 năm..."*

Tại lời khai của những người làm chứng Hoàng S, Hoàng Văn P đều thể hiện nội dung: *"mảnh đất trên là đất thuộc ông nội của Hoàng Văn T là ông Hoàng Văn X, thời kỳ còn HTX nông nghiệp, ông Nông Viết A là chủ nhiệm HTX nông nghiệp đến hỏi mượn lô đất trên để làm lò vôi, sau khi HTX giải thể lò vôi thì ông Hoàng Văn N đến ở, dựng nhà ngay chỗ có lò vôi, tức là cái nhà và đất hiện nay đang sử dụng..như vậy lô đất tranh chấp là đất của nhà Hoàng Văn T. Anh Hoàng Văn N chỉ được sử dụng lô đất đã được cấp sổ đỏ..".*

Lời khai của ông Nguyễn Kim V - Chủ tịch UBND xã H thể hiện các nội dung:

"Căn cứ vào hồ sơ lưu của UBND xã H thì phần diện tích đất đang có tranh chấp giữa hộ ông Hoàng Văn N và hộ ông Hoàng Văn T chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho hộ gia đình nào.

Tại biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất năm 2001 trong Biên bản của hộ ông Hoàng Văn T tại vị trí 1-5 và 2-3 được ghi là "Đất chủ hộ chưa giao". Năm 2006 Nhà nước thu hồi đất để xây dựng trạm Y tế xã, hộ ông Hoàng Văn T đã được nhận tiền đền bù diện tích đất chủ hộ (chưa giao) ở vị trí 1-5.

Năm 2013 đo đạc tổng thể của xã H thì trong sổ mục kê và sổ kết quả đo đạc phần diện tích đất đang tranh chấp có đo cho hộ ông Hoàng Văn N, nhưng do đất tranh chấp nên các hộ chưa ký giáp ranh và UBND xã H chưa ký xác nhận bất kỳ một loại văn bản nào liên quan đến lô đất đang tranh chấp..."

Toà án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm lần thứ nhất: Tại bản án số: 05/2015/DS-ST ngày 18-6-2015 của Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái đã áp dụng: *Khoản 2 Điều 5; Điều 100; Điều 101; khoản 4,5 Điều 103; Điều 143; khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 688 Bộ luật Dân sự; Khoản 7 Điều 25; Điều 131; Điều 243; Điều 245 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2; 5 Điều 27 pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn N và bà Vi Thị B. Buộc ông Hoàng Văn T và bà Hà Thị K chấm dứt việc tranh chấp mảnh đất có diện tích 502,9 m^2 tại thôn 6, xã H, huyện Y. Tạm giao cho gia đình ông Hoàng Văn N sử dụng diện tích đất 502,9 m^2 tại thửa số 284...

Không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường 04 cây cọ của gia đình ông Hoàng Văn T và bà Hà Thị K.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý án phí, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn là ông Hoàng Văn T, bà Hà Thị K kháng cáo.

Bản án dân sự phúc thẩm số: 20/2015/DS-PT ngày 01-12-2015 của Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái đã huỷ bản án sơ thẩm số: 05/2015/DS-ST ngày 18-6-2015 nêu trên với các lý do:

- Không thụ lý, giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Chưa xem xét toàn diện nội dung vụ án, còn nhiều nội dung trong vụ án chưa được làm rõ nên việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa có cơ sở vững chắc.

Toà án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm lần thứ hai: Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/TCDS-ST ngày 13-6-2017 của Toà án nhân dân huyện Y đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 100; Điều 101; khoản 4,5 Điều 103; khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Khoản 9 Điều 26; Điều 200; khoản 1 Điều 147; Điều 157; 158; 271; 273; 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2; 5 điều 27 pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án. Điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị quyết số: 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13-6-2012 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn N và bà Vi Thị B. Buộc ông Hoàng Văn T, bà Hà Thị K và người đại diện được uỷ quyền chị Nguyễn Thị Ng chấm dứt việc tranh chấp mảnh đất có diện tích 534,8 m^2 tờ bản đồ số 19, bản đồ dự án đo đạc tổng thể năm 2013,tại thôn 6 xã H, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Tạm giao cho gia đình ông Hoàng Văn N sử dụng diện tích đất 534,8 m^2 tại thửa số 284...

Bác yêu cầu phản tố của bị đơn, người đại diện được uỷ quyền chị Nguyễn Thị Ng khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Văn N, bà Vi Thị B trả lại diện tích đất tranh chấp là 534,8 m^2 tờ bản đồ số 19, bản đồ dự án đo đạc tổng thể năm 2013,tại thôn 6 H, Y, tỉnh Yên Bái.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý án phí, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

Ngày 22-6-2017 bị đơn là ông Hoàng Văn T và bà Hà Thị K kháng cáo không nhất trí với nội dung quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: chị Nguyễn Thị Ng, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Hoàng Văn T, bà Hà Thị K giữ nguyên nội dung kháng cáo: Yêu cầu Toà án giải quyết trả lại cho gia đình ông Hoàng Văn T diện tích đất tranh chấp là 534,8 m^2. Yêu cầu xác minh làm rõ nguồn gốc đất đang có tranh chấp và đưa những người có tên trong Biên bản xác minh ngày 05-12-2014 vào làm chứng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái có ý kiến: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa phúc thẩm. Thủ tục phiên tòa đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định và hợp lệ. Qua nghiên cứu hồ sơ Viện kiểm sát nhận thấy trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, chưa làm rõ các nội dung: Nguồn gốc đất tranh chấp trước đây của ông Hoàng Văn X hay của ông Hoàng Văn M; còn nhiều mâu thuẫn trong lời khai của những người làm chứng chưa được làm rõ; không đưa bà Hoàng Thị Đ vào tham gia tố tụng; Nội dung biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ không đầy đủ, mô tả thiếu các tài sản là cây trồng trên đất. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của đồng bị đơn, huỷ bản án sơ thẩm số 09/2017/TCDS-ST ngày 13-6-2017 và chuyển hồ sơ cho toà án nhân dân huyện Y giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, lời trình bày, tranh luận của các đương sự. Xét kháng cáo của bị đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Toà án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp. Đơn kháng cáo của các đương sự làm trong thời hạn kháng cáo, đúng, đủ về hình thức và nội dung. Nên kháng cáo của bị đơn là hợp lệ. Tại phiên toà, người đại diện cho UBND xã H là ông Nguyễn Kim V vắng mặt. Nhưng việc vắng mặt của ông V không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của các đương sự nên Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Kim V.

Trong hồ sơ, có nhiều tài liệu thể hiện diện tích đất đang có tranh chấp có nguồn gốc của ông Hoàng Văn D để lại. Tại thời điểm xảy ra tranh chấp, ông Hoàng Văn D đã chết nhưng Toà án cấp sơ thẩm không đưa những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông D vào tham gia tố tụng là thiếu người tham gia tố tụng, không đủ căn cứ để xác định nguồn gốc đất một cách khách quan.

[2] Về nội dung vụ án và kháng cáo của bị đơn:

[2.1.] Diện tích 534,8 m^2 đất đang có tranh chấp ở tại thôn 6, xã H, huyện Y nằm trong thửa số 284 tờ bản đồ số 19. Các hộ gia đình đang tranh chấp đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên thực tế, hiện tại đang do hộ ông Hoàng Văn N sử dụng trồng chuối. Theo lời khai của nguyên đơn, ông Hoàng Văn N thì diện tích đất này gia đình đã sử dụng từ năm 1988 để trồng hoa màu, trên đất gia đình có trồng cây ăn quả là cây nhãn, cây lấy gỗ là cây xoan; Theo lời khai của bị đơn, ông Hoàng Văn T thì diện tích đất này gia đình ông vẫn sử dụng từ trước, hàng năm vẫn canh tác. Năm 2013 khi ông N chặt 04 cây cọ của gia đình ông thì xảy ra tranh chấp và ông N đã trồng chuối lên diện tích đất nêu trên. Lời khai của những người làm chứng do UBND xã H thu thập đều thể hiện: *"nguồn gốc đất đang có tranh chấp trước đây là của ông Hoàng Văn X để lại cho con trai là Hoàng Văn D. 04 cây cọ ông Hoàng Văn N đã chặt từ trước vẫn do gia đình ông Hoàng Văn T (con trai ông Hoàng Văn D) khai thác, sử dụng lấy lá lợp nhà"*. Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21-3-2017 không thể hiện trên đất có cây ăn quả, chỉ mô tả trên đất có 02 cây xoan; 02 cây cọ nhưng không rõ cụ thể do ai trồng hay mọc tự nhiên, ngoài ra có chuối trồng trên đất.

Căn cứ vào các nội dung nêu trên, thấy rằng Toà án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ thể hiện quá trình sử dụng đất của các hộ gia đình để đánh giá ai là người đã trực tiếp sử dụng diện tích đất tại thời điểm trước khi xảy ra tranh chấp.

[2.2.] Theo lời khai của ông Hoàng Văn N thì nguồn gốc đất đang có tranh chấp là một phần diện tích đất năm 1987 ông đã làm đơn xin UBND xã H và Hợp tác xã nông nghiệp để sử dụng làm nhà ở. Lời khai của ông N về nguồn gốc đất như trên phù hợp với lời khai của những người làm chứng Hoàng Văn Tr, Nguyễn Văn C với nội dung: *"gia đình ông Hoàng Văn N ra ở trên diện tích đất thuộc khu lò vôi cũ của Hợp tác xã từ năm 1987, đến năm 2012-2013, sau khi ông Hoàng Văn D chết thì mới xảy ra tranh chấp..."*. Ông Nguyễn Văn C cung cấp thêm: *"...Năm 1987 gia đình ông Hoàng Văn N có làm đơn xin UBND xã và HTX một* ***lô đất lò vôi cũ*** *để san ủi làm nhà. Được sự nhất trí của UBND và Ban quản trị HTX có giải quyết cho gia đình ông N san ủi để làm nhà. Đã xây dựng ở từ năm 1988 đến nay là 30 năm..."*. Theo lời khai của ông Hoàng Văn T thì nguồn gốc đất đang có tranh chấp là của ông Hoàng Văn D, là bố đẻ ông cho ông sử dụng từ năm 1993. Năm 1988 bố ông (ông D) có bán cho gia đình ông N một phần đất thuộc khu lò vôi cũ để làm nhà, là phần đất ông N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, không bao gồm phần đất đang có tranh chấp. Lời khai này phù hợp với lời khai của những người làm chứng

Hoàng S, Hoàng Văn P đều thể hiện nội dung: *"mảnh đất trên là đất thuộc ông nội của Hoàng Văn T là ông Hoàng Văn X, thời kỳ còn HTX nông nghiệp, ông Nông Viết A là chủ nhiệm HTX nông nghiệp đến hỏi mượn lô đất trên để làm lò vôi, sau khi HTX giải thể lò vôi thì* ***ông Hoàng Văn N đến ở, dựng nhà ngay chỗ có lò vôi, tức là cái nhà và đất hiện nay đang sử dụng****... như vậy lô đất tranh chấp là đất của nhà Hoàng Văn T. Anh Hoàng Văn N chỉ được sử dụng lô đất đã được cấp sổ đỏ.."*. Lời khai của những người làm chứng tuy thống nhất nội dung ông N có đến ở và làm nhà trên vị trí đất trước đây là lò vôi của Hợp tác xã. Nhưng không thống nhất việc ông N có được sử dụng phần diện tích đất đang tranh chấp hay không. Trong quá trình giải quyết, Toà án cấp sơ thẩm chưa xem xét, làm rõ nội dung: Ông Hoàng Văn N có được UBND xã H và Hợp tác xã nông nghiệp cấp đất năm 1987 hay không? Nếu có thì được cấp diện tích là bao nhiêu? Ở khu vực nào? Có bao gồm diện tích đất hiện đang tranh chấp hay không? Chưa làm rõ mối quan hệ giữa những người làm chứng với các đương sự để đánh giá sự khách quan của những người làm chứng khi cung cấp thông tin. Chưa làm rõ nội dung ông T khai về nguồn gốc đất để đưa vợ, con ông D vào tham gia tố tụng, nhằm làm rõ việc ông D có cho ông T sử dụng đất như đã khai không? Có còn ai là người được hưởng quyền sử dụng đất của ông D để lại đối với phần diện tích đất đang tranh chấp hay không?

[2.3.] Tại lời khai của ông Nguyễn Kim V - Chủ tịch UBND xã H thể hiện các nội dung: "*Tại biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất năm 2001 trong Biên bản của hộ ông Hoàng Văn T tại vị trí 1-5 và 2-3 được ghi là "Đất chủ hộ chưa giao..".* Nội dung này phù hợp với nội dung được thể hiện tại Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 07-7-2001 của hộ ông Hoàng Văn T có vị trí Từ điểm 2 đến điểm 3 giáp "Đất chủ hộ chưa giao", mặt sau của biên bản này có ghi chú ***"Từ điểm 2 đến điểm 3 (cọc) ranh giới giáp với đồi ông D"***. Cũng trong lời khai của ông Nguyễn Kim V còn thể hiện nội dung: *"Năm 2013 đo đạc tổng thể của xã H thì trong sổ mục kê và sổ kết quả đo đạc phần diện tích đất đang tranh chấp có đo cho hộ ông Hoàng Văn N, nhưng do đất tranh chấp nên các hộ chưa ký giáp ranh và UBND xã H chưa ký xác nhận bất kỳ một loại văn bản nào liên quan đến lô đất đang tranh chấp..."*. Đồng thời, tại báo cáo số: 01/ BC-TXM ngày 05-12-2014 và Công văn số 230/UBND-ĐCXD ngày 16-10-2015, UBND xã H đều xác định: Diện tích đất đang có tranh chấp giữa gia đình ông Hoàng Văn N với gia đình ông Hoàng Văn T có nguồn gốc trước đây do gia đình ông Hoàng Văn D sử dụng. Vì vậy đất đang có tranh chấp là của gia đình ông Hoàng Văn T, con trai ông D.

Như vậy, theo các tài liệu do UBND xã H lưu giữ thể hiện: Trên cùng một diện tích đất đang tranh chấp, có nhiều người sử dụng đất khác nhau tại các thời điểm khác nhau. Nhưng Toà án cấp sơ thẩm chưa làm rõ nội dung có trong bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 07-7-2001 và trong sổ mục kê, sổ kết quả đo đạc năm 2013. Để từ đó làm rõ tại các thời điểm nêu trên, phần diện tích đất đang có tranh chấp được xác định là đất đang do ai sử dụng; có sự chuyển nhượng đất đai giữa những người sử dụng đất hay không. Căn cứ để xác định người sử dụng đất tại các thời điểm năm 2001 và 2013.

[3] Từ các nhận định trên thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ nên còn nhiều nội dung trong vụ án chưa được làm rõ. Việc sử dụng và đánh giá chứng cứ chưa khách quan, toàn diện. Xác định thiếu người tham gia tố tụng. Vì vậy việc Toà án cấp sơ thẩm quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa có cơ sở vững chắc.

[4] Tại bản án sơ thẩm còn tuyên buộc: "*...người đại diện được uỷ quyền chị Nguyễn Thị Ng chấm dứt việc tranh chấp...*"; "*...người đại diện được uỷ quyền chị Nguyễn Thị Ng phải chịu 200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm...*" và *"Chị Ng được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí kháng cáo phúc thẩm đã nộp là 200.000 đồng tại bản án DS-PT số 20/2015/DS-PT ngày 01-12-2015..."*.Việc buộc người đại diện theo uỷ quyền phải chịu nghĩa vụ của đương sự trong vụ án; được nhận lại khoản tiền mà bản án dân sự phúc thẩm đã tuyên trả cho ông Hoàng Văn T và bà Hà Thị K là vi phạm các quy định của Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của người đại diện. Đồng thời ảnh hưởng đến quyền lợi của người đại diện, quyền lợi của đương sự.

[5] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Việc thu thập tài liệu, chứng cứ và chứng minh chưa được cấp sơ thẩm thực hiện đầy đủ mà tại phiên toà phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Bản án sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng các quy định của tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự và người đại diện. Vì vậy cần chấp nhận đơn kháng cáo của đồng bị đơn là ông Hoàng Văn T, bà Hà Thị K. Huỷ bản án sơ thẩm số 09/2017/TCDS-ST ngày 13-6-2017, chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái giải quyết lại vụ án.

[6] Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, còn có một số các sai sót về tố tụng và nội dung, bao gồm: Việc Toà án cấp sơ thẩm thông báo và xác định người đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo phải nộp tạm ứng án phí kháng cáo là sai quy định của khoản 1 Điều 146 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bản án tuyên buộc bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, nhưng trong hồ

sơ không có hoá đơn, chứng từ để chứng minh các khoản đã chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ theo yêu cầu của đương sự. Đây là các sai sót trong xác định nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí kháng cáo và xây dựng hồ sơ, cần được rút kinh nghiệm để Toà án cấp sơ thẩm khắc phục.

Do Hội đồng xét xử phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm, nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 148; khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận kháng cáo của đồng bị đơn là ông Hoàng Văn T, bà Hà Thị K. Huỷ bản án sơ thẩm số 09/2017/TCDS-ST ngày 13-6-2017. Giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hoàng Văn T, bà Hà Thị K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp ngày 03-7-2017, theo biên lai thu số AA/2013/06352 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Yên Bái.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND huyện Y;
- THA Dân sự huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, TA.(10b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)

Vũ Dũng